

UBND HUYỆN CẦN GIUỘC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN NINH

Số: 540/BC-THCSNAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thượng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THEO THÔNG TƯ SỐ 09/2024/TT-BGDĐT
NĂM: 2024

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2368/PGDĐT-TH ngày 31/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc về việc thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Trường THCS Nguyễn An Ninh thực hiện báo cáo thường niên công tác công khai như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Tên gọi: **Trường Trung học cơ sở Nguyễn An Ninh**

2. Địa chỉ:

Áp Long Thạnh, xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Số điện thoại: (0272)3892052

Website: <http://thcsnguyenanninhcg.edu.vn>

3. Loại hình

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Cần Giuộc

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục

a) Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, đoàn kết thống nhất để phát huy phẩm chất riêng; phát huy tính sáng tạo, năng lực tư duy của mỗi cá nhân trong tập thể.

b) Tầm nhìn

Trường THCS Nguyễn An Ninh là một trường mới được thành lập, tuy nhiên có nhiều tiềm năng phát triển, thu hút nhiều học sinh đến học, là nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng vươn tới chân - thiện - mỹ, học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao lợi ích bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

c) Mục tiêu

- Môi trường: Đổi mới cơ bản và toàn diện bảo đảm mang lại cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường một môi trường thuận lợi, để có thể phát huy

năng lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp phát triển giáo dục; tạo cho học sinh môi trường học tập khang trang, hiện đại, an toàn và năng động, không ngừng nâng cao chất lượng với những kiến thức tiên tiến cập nhật và các kỹ năng cần thiết để học tập và lập nghiệp.

- Giáo dục: Giáo dục học sinh có nhận thức đúng đắn về giá trị đạo đức, nhân cách. Có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội. Có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, ý thức làm chủ; biết hợp tác, giao tiếp hiệu quả và học tập suốt đời; có trình độ về ngoại ngữ, tin học; bồi dưỡng lòng yêu nước nồng nàn, tự hào dân tộc gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và khát vọng góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Phương pháp: Triệt để đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Dạy học theo phát triển phẩm chất, năng lực; học tập tích cực, hợp tác toàn diện, tư duy độc lập và khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Nguyễn An Ninh được thành lập từ năm 2018 theo Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của UBND huyện Cần Giuộc. Trên cơ sở tách cấp Trung học phổ thông của trường THCS&THPT Long Thượng sáp nhập vào trường THPT Nguyễn Đình Chiểu. Trường tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, trường có một điểm học với diện tích khuôn viên trường là 7964 m².

Cảnh quan sư phạm luôn được cải tạo; phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” được đẩy mạnh; chất lượng giáo dục luôn khẳng định uy tín của nhà trường đối với cha mẹ học sinh và địa phương.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Võ Minh Quang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh, xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Số điện thoại: 0904785875

Địa chỉ thư điện tử: VoMinhQuang.c23longthuong@longan.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND huyện Cần Giuộc về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Nguyễn An Ninh (đính kèm Quyết định).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND huyện Cần Giuộc về việc thành lập Hội đồng trường Trung học cơ sở Nguyễn An Ninh nhiệm kỳ 2021-2025 (đính kèm Quyết định).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu



trưởng

Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý trường học.

Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý trường học.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

*** Quy chế tổ chức và hoạt động**

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định



của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về đảm bảo chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

***Sơ đồ tổ chức bộ máy gồm:**

- Hội đồng trường

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng

- Hội đồng thi đua khen thưởng

- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường)

- Hội đồng tư vấn

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

- Tổ chức Công đoàn

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Tổ chức Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

- Các Tổ chuyên môn

- Tổ văn phòng

- Lớp học

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo

stt	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Võ Minh Quang	Hiệu trưởng	0904785875	VoMinhQuang.c23longthuong@longan.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Hiệu trưởng	0937645494	nguyenthithanhtam.c23longthuong@longan.edu.vn

8. Các văn bản khác của nhà trường

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường; các Nghị quyết của Hội đồng trường; Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

a) **Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí (02 người)**

- Hiệu trưởng: 01 người
- Phó Hiệu trưởng: 01 người

b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 03 vị trí (30 người).

- Giáo viên trung học cơ sở hạng II: 13 người
- Giáo viên trung học cơ sở hạng III: 17 người
- Thiết bị, thí nghiệm: 00

c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 02 vị trí (02 người).

- Văn thư, thủ quỹ: 01 người
- Kế toán: 01 người

d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí (04 người)

- Bảo vệ: 02 người
- Phục vụ: 01 người
- Y tế học đường: 01 người

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 02, đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên 02/02, tỷ lệ 100%.

- Giáo viên: 30, đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên 29/30, tỷ lệ 96,7%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- 38/38 giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành học tập chính trị, nghiệp vụ hè, tỷ lệ: 100%.

- 01 giáo viên đang học lớp TC LLCT.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Trường có tổng diện tích 7964 m².

- Điểm trường 01.

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 học sinh trên 10 m² đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

a) Khối phòng hành chính quản trị

- Có 01 phòng Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định.

- Có 01 Văn phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định.

- Phòng thường trực (bảo vệ) đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

- Khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện cho sử



dụng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, không làm ảnh hưởng môi trường.

- Khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

b) Khối phòng học tập

- Tổng số phòng học, phòng bộ môn: 20 phòng

+ Phòng học: 14 phòng

+ Phòng bộ môn: 06 phòng (Đang xây dựng thêm 02 phòng Âm nhạc, Mỹ thuật)

Phòng học được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt.

Phòng học bộ môn Âm nhạc: 00 phòng

Phòng học bộ môn Mỹ thuật: 00 phòng

Phòng học bộ môn Công nghệ: 01 phòng

Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên: 02 phòng

Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng

Phòng học bộ môn tiếng Anh: 02 phòng

Phòng đa chức năng: 00 phòng

c) Khối phòng hỗ trợ học tập

Trường có 01 tư viện với diện tích 110 m² có tủ sách dùng chung; có các khu chức năng: Kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.

Phòng thiết bị giáo dục: 00 phòng

Phòng truyền thống + Đoàn - Đội: 01 phòng

d) Khối phụ trợ

Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, 02 giường bệnh.

Khu để xe học sinh: Nhà trường bố trí khu để xe học sinh có mái che, vị trí thuận lợi cho học sinh gần lối ra vào.

Khu vệ sinh học sinh: Số lượng thiết bị đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, không làm ảnh hưởng môi trường.

Khuôn viên trường có Cổng, hàng rào xây ngăn cách với bên ngoài, bảo đảm an toàn, cổng trường kiên cố, vững chắc để gắn cửa cổng và bản tên trường.

đ) Khu sân chơi, thể dục thể thao

Tổng sân chơi bãi tập 2372 m² để tổ chức các hoạt động của toàn sân trường; sân chơi bằng phẳng, có cây xanh bóng mát.

Nhìn chung, cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường, đáp ứng thực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu



đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng tại trường THCS Nguyễn An Ninh từ năm học 2021-2022 theo Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng tại trường THCS Nguyễn An Ninh từ năm học 2022-2023 theo Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng tại trường THCS Nguyễn An Ninh từ năm học 2023-2024 theo Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 8 (đợt 01) sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 8 (đợt 02) sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng tại trường THCS Nguyễn An Ninh từ năm học 2024-2025 theo Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 do các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Long An lựa chọn sử dụng từ năm học 2024-2025.

- Quyết định số 4019/QĐ-BGDĐT ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Long An Phê duyệt bổ sung sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Nguyễn An Ninh được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Long An.

Hàng năm Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trên cơ sở điểm mạnh, điểm yếu đề ra kế hoạch cải tiến phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số lượng học sinh

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2024-2025: 167 HS. Trong đó chuyển đi 03 HS, không ra lớp 02 HS. Còn lại 162 HS.

- Tổng số học sinh: 735 học sinh (358 nữ)/18 lớp.

+ Khối lớp 6: 166 học sinh/4 lớp. Bình quân: 41,5 học sinh/lớp

+ Khối lớp 7: 236 học sinh/6 lớp. Bình quân: 39,3 học sinh/lớp

+ Khối lớp 8: 184 học sinh/4 lớp. Bình quân: 46 học sinh/lớp

+ Khối lớp 9: 149 học sinh/4 lớp. Bình quân: 37,25 học sinh/lớp



- Số học sinh dân tộc:

+ Hoa: 27 học sinh

+ Tày: 01 học sinh

- Số học sinh khuyết tật: 0 học sinh

- Số học sinh chuyển đến: 09 học sinh, số học sinh chuyển đi: 10 học sinh.

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Khối 9

+ Hạnh kiểm: Tốt: 86,85%, Khá: 13,15%; Trung bình: 00%

+ Học lực: Giỏi: 38,50%, Khá: 37,56%, Trung bình: 23,94% , Yếu: 00%, Kém: 00%.

- Khối 6, 7, 8

+ Kết quả rèn luyện: Tốt: 78,80%, Khá: 19,48%; Đạt: 1,72%; Chưa đạt: 00%.

+ Kết quả học lực: Tốt: 40,17%, Khá: 35,69%, Đạt: 24,14% , Chưa đạt: 0%

+ 100% học sinh chấp hành tốt nội quy của trường và được trang bị các kỹ năng sống cần thiết.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (đính kèm)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Thực hiện dạy học STEM: Giáo viên thuộc tất cả các môn Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Tin học trong nhà trường áp dụng phương pháp dạy học STEM. Giáo viên trang bị cho học sinh kiến thức khoa học gắn liền với ứng dụng của chúng trong thực tiễn. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên hướng dẫn học sinh làm những sản phẩm phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện công tác chuyển đổi số ở đơn vị (chuyển đổi số trong dạy, học; chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục) đạt Mức độ 3.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 (theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường THCS Nguyễn An Ninh./.

Nơi nhận:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc (để b/c);

- Website nhà trường;

- BCD (để phối hợp thực hiện);

- Lưu: VT, HT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN AN NINH

Võ Minh Quang

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU, CHI NĂM 2024

(Số liệu công khai trong năm liền kế trước thời điểm báo cáo - Năm 2023)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn căn tin, xe đạp	Nguồn dạy thêm học thêm	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thu hộ, chi hộ
A	B	1	2	3	4	5	6
A	Các khoản thu	7.954.890.882	677.615.575	224.601.490	210.237.522	88.366.760	538.876.800
1	Ngân sách nhà nước	7.954.890.882					
2	Thu từ người học		677.615.575				
3	Thu cho thuê dịch vụ			224.601.490	210.237.522		
4	Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu					88.366.760	
5	Thu hộ - Chi hộ (Bảo hiểm y tế học sinh)						538.876.800
6	Thu khác						0
B	Các khoản chi	6.522.987.783	246.361.615	46.880.300	184.949.231	53.609.375	538.876.800
I	Các khoản chi cho con người	5.911.237.294	109.764.828	0	180.848.351	0	0
1	Tiền lương, tiền công	2.888.061.019	60.595.582				
2	Phụ cấp lương	1.867.850.594					
3	Các khoản đóng góp	837.792.181	18.132.926				
4	Khen thưởng giáo viên	19.022.000					
5	Phúc lợi, tập thể	0	5.266.000				
6	Các khoản thanh toán cá nhân		25.770.320		180.848.351		
7	Trợ cấp nghỉ việc		0				
8	Chi từ kinh phí tiết kiệm	298.511.500					
II	Chi hoạt động của trường	589.509.489	136.596.787	46.880.300	4.100.880	53.609.375	0
I	Chi quản lý hành chính	192.322.735	69.662.170	26.932.100	4.100.880	53.609.375	0
1.1	Thanh toán dịch vụ công cộng	83.008.230	6.171.162	12.881.000			
1.2	Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng	19.910.000	44.501.008				
1.3	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	30.787.505	0				



Stt	Nội dung	Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn căn tin, xe đạp	Nguồn dạy thêm học thêm	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thu hộ, chi hộ
A	B	1	2	3	4	5	6
1.4	Hội nghị	0	0				
1.5	Công tác phí	37.012.000	1.500.000				
1.6	Chi thuê mượn	21.605.000	12.540.000				
1.7	Chi khác		4.950.000	14.051.100	4.100.880	53.609.375	
2	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng	397.186.754	66.934.617	14.985.000	0	0	0
2.1	Sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn	153.892.100	44.086.617	14.985.000			
2.2	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn	0	1.500.000				
3	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	167.224.900	18.698.000	4.963.200			
4	Chi khác	76.069.754	2.650.000				
III	Chi hỗ trợ người học	22.241.000	0	0	0	0	0
1	Chi hỗ trợ chi phí học tập (01 Hộ nghèo)	600.000					
2	Chi cấp bù học phí (Hộ Cận nghèo, KHGGD)	21.641.000					
IV	Chi hộ						538.876.800

Kế toán

Đỗ Thị Kim Dung

Long Thượng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Võ Minh Quang

